



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN

SCHEDULE OF INSPECTION ACCREDITATION

(Kèm theo quyết định số: / QĐ - VPCNCL ngày tháng năm 2023
của Giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

Tên Tổ chức giám định/ <i>Inspection Body:</i>	Công ty TNHH Alfred H Knight Việt Nam <i>Alfred H Knight Vietnam Co., Ltd</i>
Mã số công nhận/ <i>Accreditation Code:</i>	VIAS 052
Địa chỉ trụ sở chính / <i>The head office address:</i>	10/9/2 Bùi Thị Từ Nhiên, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam <i>No. 10/9/2 Bui Thi Tu Nhon, Dong Hai 1 Ward, Hai An Dist., Hai Phong City, Vietnam</i>
Địa điểm công nhận/ <i>Accredited locations:</i>	10/9/2 Bùi Thị Từ Nhiên, phường Đông Hải 1, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam <i>No. 10/9/2 Bui Thi Tu Nhon, Dong Hai 1 Ward, Hai An Dist., Hai Phong City, Vietnam</i>
Điện thoại/ <i>Tel:</i>	+ 84 225 368 6459
Email:	ahk.vietnam@ahkgroup.com Website: www.ahkgroup.com
Loại tổ chức giám định/ <i>Type of Inspection:</i>	Loại A / <i>Type A</i>
Người đại diện / <i>Authorized Person:</i>	Trần Văn Hiệp
Hiệu lực công nhận/ <i>Period of validation</i> từ ngày/ <i>from</i> / / 2023 đến ngày/ <i>to</i> / / 2026	

PHẠM VI GIÁM ĐỊNH ĐƯỢC CÔNG NHẬN
SCOPE OF ACCREDITED INSPECTIONS

VIAS 052

Lĩnh vực giám định <i>Category of Inspection</i>	Nội dung giám định <i>Type and Range of Inspection</i>	Phương pháp, qui trình giám định <i>Inspection Methods/ Procedures</i>	Địa điểm và bộ phận liên quan <i>Location(s) and relating division(s)</i>
Khoáng sản: - Các loại quặng đã làm giàu: Đồng, Chì, Kẽm, Nickel, Huỳnh thạch, Tungsten, Vonframase, Calcium Tungstate, Copper Telluride, Tellurium concentrates, ... - Quặng sắt - Quặng manganese - Quặng molybdenum Mineral: - Concentrates: Copper, Lead, Nickel, Fluorspar, Tungsten, Vonframase, Calcium Tungstate, Copper Telluride, Tellurium concentrates... - Iron Ores - Manganese Ores - Molybdenum concentrates	- Số lượng/ <i>Quantity</i> - Khối lượng theo cân, theo món nước/ <i>Weigh by balance, draught survey method</i> - Chất lượng (cỡ hạt, độ ẩm và thành phần hóa) / <i>Quality (particle size; moisture content, chemical characteristics)</i>	AHKV-01-01 AHKV-01-02 AHKV-01-03 AHKV-01-06 AHKV-01-07 AHKV-01-09 AHKV-01-10 AHKV-01-16 AHKV-01-19 AHKV-01-23 AHKV-01-26 AHKV-01-28 AHKV-01-29 AHKV-00-22	INSPECTION DEPARTMENT (ID)
Than và cốc <i>Hard coal & coke</i>			
Vật liệu kim loại: - Các hợp kim: FeSi, FeCr, FeSiCr, FeMn, FeSiMn, FeMo, FeW, FeNb, FeTi, FeB - Đồng Cathode - Thiếc thỏi - Antimony thỏi - Chì thỏi Metal material: - Ferroalloys: FeSi, FeCr, FeSiCr, FeMn, FeSiMn, FeMo, FeW, FeNb, FeTi, FeB - Copper Cathode - Tin Ingots - Antimony Ingots - Lead Ingots	- Số lượng/ <i>Quantity</i> - Khối lượng theo cân, theo món nước/ <i>Weigh by balance, draught survey method</i> - Chất lượng (tình trạng ngoại quan, cỡ hạt, tạp chất và thành phần hóa) / <i>Quality (conditon, particle size; impurities, chemical characteristics)</i>	AHKV-01-01 AHKV-01-02 AHKV-01-03 AHKV-01-08 AHKV-01-12 AHKV-01-13 AHKV-01-14 AHKV-01-15 AHKV-00-22	INSPECTION DEPARTMENT (ID)

PHẠM VI GIÁM ĐỊNH ĐƯỢC CÔNG NHẬN
SCOPE OF ACCREDITED INSPECTIONS

VIAS 052

Lĩnh vực giám định <i>Category of Inspection</i>	Nội dung giám định <i>Type and Range of Inspection</i>	Phương pháp, qui trình giám định <i>Inspection Methods/ Procedures</i>	Địa điểm và bộ phận liên quan <i>Location(s) and relating division(s)</i>
Hàng hải: Tàu Marine: Ship/Vessel	Kiểm tra sạch sẽ hầm hàng <i>Holds cleanliness</i>	AHKV-01-05	INSPECTION DEPARTMENT (ID)
Giám sát xếp / dỡ hàng hoá: Hàng hoá trên tàu và trong container Loading/ discharging supervision: Cargo on board and container	- Khối lượng, kiểm đếm <i>/Quantity, tally</i> - Khối lượng theo cân, theo phương pháp đo mớn nước / <i>Weigh by balance, draught survey method.</i>	AHKV-01-01 AHKV-01-03 AHKV-01-04 AHKV-01-06	INSPECTION DEPARTMENT (ID)

Ghi chú/ Note:

- AHKV-01: Qui trình giám định do tổ chức giám định xây dựng / *IB's developed methods*

PHẠM VI GIÁM ĐỊNH ĐƯỢC CÔNG NHẬN
SCOPE OF ACCREDITED INSPECTIONS

VIAS 052

DANH MỤC PHƯƠNG PHÁP/ QUI TRÌNH GIÁM ĐỊNH
LIST OF INSPECTION METHODS/ PROCEDURES

Tên phương pháp/ qui trình giám định <i>Name of inspection methods/ procedures</i>	Mã số phương pháp/ qui trình giám định và năm ban hành <i>Code of inspection methods/ procedures, Version and Date of issue</i>
Phương pháp giám định số lượng <i>Tally Method</i>	AHKV-01-01 : 2019
Phương pháp xác định khối lượng bằng cân bàn <i>Weighing Method by Platform Scale</i>	AHKV-01-02 : 2019
Phương pháp giám định khối lượng bằng cân cầu <i>Weighing Method by Platform Scale</i>	AHKV-01-03 : 2023
Phương pháp giám sát xếp dỡ hàng container <i>Container Loading Supervision Method</i>	AHKV-01-04 : 2023
Phương pháp giám định sạch sẽ hầm hàng <i>Hold Cleanliness Inspection Method</i>	AHKV-01-05 : 2019
Phương pháp giám định mớn nước <i>Draught Survey Method</i>	AHKV-01-06 : 2023
Phương pháp giám định quặng đã làm giàu <i>Mineral Concentrates Inspection Method</i>	AHKV-01-07 : 2019
Phương pháp giám định hợp kim <i>Ferro-alloys Inspection Method</i>	AHKV-01-08 : 2021
Phương pháp giám định quặng sắt <i>Iron Ores Inspection Method</i>	AHKV-01-09 : 2021
Phương pháp giám định quặng Manganese <i>Manganese Ores Inspection Method</i>	AHKV-01-10 : 2021
Phương pháp giám định thiếc thỏi <i>Tin Ingot Inspection Method</i>	AHKV-01-12 : 2019
Phương pháp giám định Antimony thỏi <i>Antimony Ingot Inspection Method</i>	AHKV-01-13 : 2019
Phương pháp giám định Chì thỏi <i>Lead Ingot Inspection Method</i>	AHKV-01-14 : 2019
Phương pháp giám định đồng Cathod <i>Copper Cathod Inspection Method</i>	AHKV-01-15 : 2020
Phương pháp giám định Molybdenum <i>Molybdenum Inspection Method</i>	AHKV-01-16 : 2020
Phương pháp lấy mẫu đồng <i>Stockpile Sampling Method</i>	AHKV-01-19 : 2020
Phương pháp giám định quặng đồng, chì, kẽm, nikel <i>Cu, Ni, Pb, Zn Concentrates Inspection Method</i>	AHKV-01-23 : 2023
Phương pháp giám định Fluorspar <i>Flourspar Inspection Method</i>	AHKV-01-26 : 2021
Phương pháp giám định than đá, cốc <i>Coal & Coke Inspection Method</i>	AHKV-01-28 : 2023
Phương pháp giám định quặng sắt DRI & HBI <i>DRI & HBI Inspection Method</i>	AHKV-01-29 : 2019
Dụng cụ lấy mẫu và phương pháp xử lý mẫu <i>Sampling Tools & Sample Preparation Guide</i>	AHKV-00-22 : 2019

